

HỒ SƠ NĂNG LỰC



MỤC LỤC

CẦN TRỤC BÁNH XÍCH 15

SÀ LAN PONTON 38

TÀU KÉO 75



THƯ NGỎ

Kính gửi:

Quý Khách Hàng

Công ty **TNHH VT-XD-TM & DV Trúc Minh**.

Được thành lập vào ngày 04 tháng 07 năm 2007 với các ngành nghề chính:

- Khai thác và mua bán cát, đá, sỏi.
- Nạo vét kênh rạch, san lấp mặt bằng.
- Cho thuê phương tiện vận tải.
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa.
- Đo đạc, khảo sát và lập bản đồ.
- Mua bán vật liệu xây dựng, thiết bị Công - Nông - Ngư nghiệp.
- Đóng mới, sửa chữa phương tiện thủy.

Trải qua hơn 15 năm xây dựng và phát triển, **Trúc Minh** là một trong những doanh nghiệp chuyên cung cấp các dịch vụ vận chuyển các loại hàng hóa, thiết bị siêu trường siêu trọng và thi công những công trình đường thủy. Với phương châm **An Toàn - Uy Tín - Chất Lượng - Tiến Độ**.

Hiện nay chúng tôi vẫn đang tiếp tục đầu tư mua sắm và đóng mới thêm các phương tiện và thiết bị thi công. **Trúc Minh** hiện đang sở hữu và quản lý một khối lượng lớn máy móc, thiết bị hiện đại đa dạng như: cần cẩu, sà lan, tàu kéo đa dạng,... để xây dựng công ty ngày càng quy mô và vững mạnh.

Công ty **TNHH VT-XD-TM & DV Trúc Minh** luôn luôn mong muốn được hợp tác và đồng hành cùng Quý khách hàng. Nhằm nâng cao năng lực cốt lõi mang đến những giá trị vượt trội cho Quý khách hàng và đối tác.

Trân trọng!



GIÁM ĐỐC
Văn Công Tráng

GIẤY PHÉP CÔNG TY

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Mã số doanh nghiệp: 0305084685

Đăng ký lần đầu: ngày 04 tháng 07 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 14 tháng 06 năm 2021

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VẠN TÀI - XÂY DỰNG
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TRÚC MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

231 Cư Xá Ngân Hàng, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh,
Việt Nam

Điện thoại: 02838728438

Fax: 02837720369

Email: vttrucminh.2019@gmail.com

Website: trucminh.com

3. Vốn điều lệ

20.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	VÂN CÔNG TRĂNG	Việt Nam	231 Cư Xá Ngân Hàng, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	16.000.000.000	80,000	024211670	
2	NGUYỄN NGỌC THẢO	Việt Nam	625/19/13 Khu phố 2, Phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	4.000.000.000	20,000	023379912	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: **VĂN CÔNG TRĂNG**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *09/04/1963*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *024211670*

Ngày cấp: *12/12/2012*

Nơi cấp: *Công an TP.Hồ Chí Minh*

Địa chỉ thường trú: *231 Cư Xá Ngân Hàng, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *231 Cư Xá Ngân Hàng, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

TRƯỜNG PHÒNG
Phó Trưởng Phòng



Hoành Sơn

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2019

Số:



1069698/19

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Phòng Đăng ký kinh doanh: Thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ trụ sở: 32, Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028.38.293.179

Fax:

Email: Website:

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH VẬN TẢI - XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TRÚC MINH

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 0305084685

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê phương tiện vận tải.	7710(Chính)
2	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Khai thác cát, nạo vét kênh rạch.	0810
3	Xây dựng nhà để ở	4101
4	Xây dựng nhà không để ở	4102
5	Xây dựng công trình đường sắt	4211
6	Xây dựng công trình đường bộ	4212
7	Xây dựng công trình điện	4221
8	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
9	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
10	Xây dựng công trình công ích khác	4229
11	Xây dựng công trình thủy	4291
12	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
13	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
14	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
15	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng.	4312
16	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Hoạt động xây dựng chuyên dụng.	4390

STT	Tên ngành	Mã ngành
17	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn phương tiện vận tải	4659
18	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép.	4662
19	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Mua bán cát, đá, sỏi.	4663
20	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô	4933
21	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng bằng đường thủy nội địa.	5022
22	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan chi tiết: Hoạt động kiến trúc, đo đạc bản đồ, thăm dò địa chất, nguồn nước, tư vấn kỹ thuật có liên quan khác, kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7110
23	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Nơi nhận:

-CÔNG TY TNHH VẬN TẢI - XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TRÚC MINH. Địa chỉ: 23I Cư Xá Ngăn Hàng, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Lưu: Nguyễn Thị Mỹ Hằng.....

TRƯỞNG PHÒNG



Võ Thành Thơ



Trong thời điểm hiện nay, lực lượng thi công trực tiếp của **Công Ty TNHH VTXD TM & DV Trúc Minh** được phân thành 02 bộ phận (gồm 6 đội) thi công.

* **Bộ phận thi công trên cạn:** Đội NB-02

* **Bộ phận thi công dưới nước:** Đội NB-01, Đội NB-03, Đội NB-04, Đội NB-05, Đội NB-09.

* **ĐỘI NB-01**

Nhiệm vụ của đội NB-01 là thi công cầu lắp cấu kiện, đóng cọc...Dưới nước. Búa treo NB-01 có thể đóng được các loại cọc thép và cọc ống BTCT đường kính $\leq 800\text{mm}$, đóng thẳng và xiên (độ xiên $\leq 14^\circ$).

* **Các thiết bị chính của búa treo NB-01 bao gồm:**

- Cần cẩu hiệu BUCYRUS 130 tấn, chiều dài đoạn cần: 48m.
- Sà lan mặt bằng trọng tải 1.000 tấn (40 x 14 x 2,7m).
- Quả búa diesel MB-80: trọng lượng pittông 8,0T; lực xung kích 12 - 22,4T.M.
- Quả búa diesel KB-45: trọng lượng pittông 4,5T; lực xung kích tối đa 8T.M.
- Máy phát điện DENYO 80KVA.
- Hệ thống sàn đạo bằng thép hình H300, H450, 1300.

* **ĐỘI NB-02**

Nhiệm vụ của đội NB-02 là thi công cọc khoan nhồi, cầu lắp cấu kiện, đóng cọc BTCT, gia công hoàn thiện các cấu kiện thép, BTCT, xây dựng cầu cảng và công trình sau bến, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp... Đội có thể thi công đóng cọc BTCT vuông và tròn đường kính 700mm, độ xiên $\leq 6^\circ$.

* **Các thiết bị chính của đội NB-02 bao gồm:**

- Cần cẩu KOBELCO 70 tấn.
- Xe đa dụng HITACHI - IPD100.
- Quả búa diesel KB-35.
- Quả búa diesel KB-45.
- Tổ máy phát điện, máy hàn, cắt, uốn.

* ĐỘI NB-03

Nhiệm vụ của đội NB-03 là thi công cầu lắp cấu kiện, đóng cọc...dưới nước. Búa treo NB-03 có thể đóng được các loại cọc thép và cọc ống BTCT đường kính $\leq 800\text{mm}$, đóng thẳng và xiên (độ xiên $\leq 14^\circ$).

* Các thiết bị chính của búa treo NB-03 bao gồm:

- Cần cẩu hiệu IHI KAWAJIMA K 1495, tải trọng 110 tấn chiều dài đoạn cần 43m.
- Sà lan mặt bằng trọng tải 1.000 tấn (40 x 14 x 3m).
- Quả búa diesel HD-80: trọng lượng pittông 8,0T; lực xung kích 12 - 22,4T.M.
- Quả búa diesel KB-45: trọng lượng pittông 4,5T; lực xung kích tối đa 8T.M.
- Máy phát điện DENYO 175KVA.
- Hệ thống sàn đạo bằng thép hình H300, H450, 1300.

* ĐỘI NB-04

Nhiệm vụ của đội NB-04 là thi công cầu lắp cấu kiện, đóng cọc...dưới nước. Búa treo NB-04 có thể đóng được các loại cọc thép và cọc ống BTCT đường kính $\leq 1.000\text{mm}$, đóng thẳng và xiên (độ xiên $\leq 14^\circ$). *

* Các thiết bị chính của búa treo NB-04 bao gồm: -

- Cần cẩu hiệu LIMA 2400, trọng tải 220 tấn, chiều dài đoạn cần 65m. -
- Sà lan mặt bằng trọng tải 1.500 tấn (50 x 15 x 3,2m). -
- Quả búa diesel DELMAG 100-13: trọng lượng pittông 10T; lực xung kích 22 - 34T.M. -
- Quả búa diesel KB-45: trọng lượng pittông 4,5T; lực xung kích tối đa 8T.M. -
- Máy phát điện DENYO 100KVA. -
- Hệ thống sàn đạo bằng thép ống D600, thép hình H300, H450, 1300.

* ĐỘI NB-05

Nhiệm vụ của đội NB-05 là thi công cầu lắp cấu kiện, đóng cọc,...dưới nước. Búa treo NB-05 có thể đóng được các loại cọc thép và cọc ống BTCT đường kính $\leq 1.000\text{mm}$, đóng thẳng và xiên (độ xiên $\leq 14^\circ$). Với cọc ống thép, NB-05 có thể đóng được cọc có chiều dài 60m hàn nối sẵn.

* Các thiết bị chính của búa treo NB-05 bao gồm:

- Cần cẩu hiệu AMERICAN 125 tấn, chiều dài đoạn cần 53m.
- Sà lan mặt bằng trọng tải 1.200 tấn (42 x 13,5 x 3m).
- Quả búa diesel HD100: trọng lượng pittông 10T; lực xung kích 22 - 34T.M.
- Quả búa diesel KB-45: trọng lượng pittông 4,5T; lực xung kích tối đa 8T.M.
- Máy phát điện KOMATSU 73KVA.
- Hệ thống sàn đạo bằng thép ống D500 và thép hình H300, H350, 1300.

*** ĐỘI NB-09**

Thiết bị chính của đội NB-09 là tàu đóng cọc PB9. Đây là một thiết bị đóng cọc chuyên dụng do Nhật Bản sản xuất được nhập về Việt Nam vào tháng 7/2008. *

*** Các thiết bị chính của đội NB-09 bao gồm:**

1

1 - Tàu đóng cọc PB9

- Sà lan: 35 x 16 x 3m.
- Chiều cao giá búa 49m.
- Độ xiên dương (+) tối đa khi đóng 3/1 ($18^{\circ}26'$).
- Độ xiên âm (-) tối đa khi đóng 4/1 ($14^{\circ}02'$).
- Chiều dài cọc có thể đóng liền đoạn 40m.

2

2 - Búa diesel DELMAG DI 00-13

- Trọng lượng pittông 10T.
- Lực xung kích 22 - 34T.M.

3

3 - Tổ máy phát điện

- 01 máy phát điện Mitsubishi 300KVA.
- 01 máy phát điện Mitsubishi 175KVA.

4

4 - Hệ thống tời T

Toàn bộ các tời trên NB-09 (bao gồm 8 tời neo và 8 tời nâng hạ) dùng động cơ thủy lực. Sức kéo của các tời neo từ 15 - 20 tấn, sức kéo của các tời nâng hạ từ 15 - 125 tấn.

5 - Phương tiện phụ trợ đi kèm

- 2 sà lan mặt bằng (600 & 700 tấn).
- 1 tàu kéo 350HB.



LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP

STT	Trình độ chuyên môn	Số người	Theo thâm niên		
			< 5 năm	5+10 năm	>10 năm
1	Thuyền trưởng tàu biển hạng nhất	2		1	1
2	Thuyền trưởng tàu sông hạng nhì	2		1	1
3	Thuyền trưởng tàu sông hạng ba	3	1	2	
4	máy trưởng tàu sông hạng nhì	2		2	
5	Máy trưởng tàu sông hạng ba	2	2		
6	thủy thủ	11	5	6	
7	Thợ máy sửa chữa	2		1	1
8	Thợ máy vận hành	6	2	4	
9	Thợ hàn	29	4	19	6
10	Thợ nguội	3		3	
11	Vận hành cần cầu	5		4	1
12	Thợ kích kéo	25	8	12	5
13	Thợ điện	2		1	1
14	Cn trắc địa - địa hình	4	3	1	
15	Lao động phổ thông	58	27	25	6

LAO ĐỘNG GIÁN TIẾP

STT	Trình độ chuyên môn	Số người	Theo thâm niên		
			< 5 năm	5+10 năm	>10 năm
	A _ Đại học				
1	Kỹ sư công trình thủy	8	4	2	2
2	Kỹ sư xây dựng	4	2	2	
3	Kỹ sư thủy lợi	1	1		
4	Kỹ sư cơ khí	2		1	1
5	Cử nhân luật	1	1	1	
6	Kỹ sư máy	2	1	1	
7	Cử nhân tài chính - kế toán	2			1
	B _ Cao đẳng				
1	Tài chính - kế toán	2	1		1
2	Kinh tế				
3	trắc đạc - bản đồ	3	2	1	
4	Điện công nghiệp	1		1	

NHỮNG CÔNG TRÌNH ĐÃ THAM GIA THI CÔNG



STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư/ Thầu chính
1	Chống Ngập Tp.hcm	Cầu Mương Chuối Nhà Bè	Cty CPXD Trung Nam 18 C&E
2	Điện Gió Đất Mũi - Cà Mau	Cà Mau	KDL Khai Long
3	Điện Gió Bạc Liêu	Bạc Liêu	Cty TNHH Công Lý
4	Tập Đoàn Thép Posco - Phú Mỹ	Phú Mỹ, Bà Rịa - Vũng Tàu	POSCO
5	Posco C&e Phú Mỹ	Phú Mỹ, Brvt	POSCO
6	Cảng Toyo Liên Doanh Penta Rinkai	Phú Mỹ, Brvt	Cty Toyo & Penta Rinkai
7	Bến Nhập - Nhà Máy Xi Măng Hạ Long	Nhà Bè, Tp. Hcm	Cty CP Xi Măng Hạ Long
8	Cảng Gò Dầu A Mở Rộng	Long Thành, Đồng Nai	Cty CP Cảng Đồng Nai
9	Cảng Container Trung Tâm Sài Gòn	Nhà Bè, Tp. Hcm	Cty TOA (Nhật Bản)
10	Cảng Nhà Máy Bột Mì Interflour	Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	Nhà Máy Interflour Việt Nam
11	Nạo Vét Duy Tu Luồng Tàu Sg - Vt	TP. HCM Và BRVT	Cty BDAT Hàng Hải li
12	Cảng Nhà Máy Đóng Tàu Sài Gòn	Quận 2, TP. HCM	Nhà Máy Đóng Tàu Sài Gòn
13	Bến Xuất - Nhà Máy Xi Măng Hạ Long	Nhà Bè, TP. HCM	Cty CP Xi Măng Hạ Long
14	Cảng Xăng Dầu Cái Mép	Tân Thành, BRVT	Cty CP Dầu Khí Vũng Tàu
15	Cảng Nhà Máy Đóng Tàu Aker	KCN Đông Xuyên, BRVT	Nhà Máy Đóng Tàu Aker
16	Cảng Container Cái Mép Thượng	Tân Thành, BRVT	Tân Cảng Sài Gòn
17	Kho Cảng Xăng Dầu Petec	Tân Thành, BRVT	PETEC
18	Đường hầm Thủ Thiêm - Dự Án Đại Lộ Đông Tây	TP. Hồ Chí Minh	Ban QLDA Đại Lộ Đông Tây & Môi trường nước TP.HCM
19	Cảng Sài Gòn Hiệp Phước	Nhà Bè, TP. HCM	Cty CP Cảng SG Hiệp Phước
20	Cảng Chế Tạo Dầu Khí Sao Mai Bến Đình	Bà Rịa - Vũng Tàu	Tập Đoàn Dầu Khí Quốc Gia





DANH SÁCH THIẾT BỊ

STT	Tên phương tiện, thiết bị	Số lượng	Nơi sản xuất	Thông số kỹ thuật	Sở hữu
CẦN CẦU					
1	Tàu đóng cọc PB9	1	Nhật	35 X 16 X 3m	Thuộc Cty
2	Cần cầu Demag CC2500	1	Mỹ	500T	Thuộc Cty
3	Cần cầu Clark 7707	1	Mỹ	300T	Thuộc Cty
4	Cần cầu Lima 7707	1	Mỹ	300T	Thuộc Cty
5	Cần cầu America 9320	1	Mỹ	240T	Thuộc Cty
6	Cần cầu Clark-Lima	1	Mỹ	240T	Thuộc Cty
7	Cần cầu Lima 2400B	4	Mỹ	240T, cần dài 65m	Thuộc Cty
8	Cần cầu BucyrusErie 88B	3	Mỹ	130T, cần dài 48m	Thuộc Cty
9	Cần cầu America	1	Mỹ	125T, cần dài 53m	Thuộc Cty
10	Cần cầu PLH Lima	1	Mỹ	125T, cần dài 53m	Thuộc Cty
11	Cần cầu IHI Kawajima K1495	1	Nhật	110T, cần dài 43m	Thuộc Cty
TÀU KÉO					
1	Tàu kéo	1	Việt Nam	4.400 HB	Thuộc Cty
2	Tàu kéo	1	Việt Nam	3.000 HB	Thuộc Cty
3	Tàu kéo	1	Việt Nam	2.200 HB	Thuộc Cty
4	Tàu kéo	1	Việt Nam	1.400 HB	Thuộc Cty
5	Tàu kéo	1	Việt Nam	1.200 HB	Thuộc Cty
6	Tàu kéo	1	Việt Nam	1.000 HB	Thuộc Cty
7	Tàu kéo	1	Việt Nam	800 HB	Thuộc Cty
8	Tàu kéo	1	Việt Nam	700 HB	Thuộc Cty
9	Tàu kéo	1	Việt Nam	400 HB	Thuộc Cty
10	Tàu kéo	2	Việt Nam	350 HB	Thuộc Cty

STT	Tên phương tiện, thiết bị	Số lượng	Nơi sản xuất	Thông số kỹ thuật	Sở hữu
SÀ LAN					
1	Sà lan mặt bằng 7.500 tấn	1	Việt Nam	92,5 x 24 x 4,8 m	Thuộc Cty
2	Sà lan mặt bằng 5.000 tấn	1	Việt Nam	71.2 x 22 x 4,4 m	Thuộc Cty
3	Sà lan mặt bằng 4.400 tấn	1	Việt Nam	82 x 20 x 4 m	Thuộc Cty
4	Sà lan mặt bằng 4.200 tấn	2	Việt Nam	79 x 20 x 4 m	Thuộc Cty
5	Sà lan mặt bằng 4.000 tấn	1	Việt Nam	86 x 22 x 4,4 m	Thuộc Cty
6	Sà lan mặt bằng 4.000 tấn	1	Việt Nam	86 x 24 x 4,8 m	Thuộc Cty
7	Sà lan mặt bằng 3.000 tấn	1	Việt Nam	84 x 22 x 4,5 m	Thuộc Cty
8	Sà lan mặt bằng 2.700 tấn	1	Việt Nam	79 x 20 x 3,5 m	Thuộc Cty
9	Sà lan mặt bằng 2.650 tấn	1	Việt Nam	59 x 16,5 x 3,8 m	Thuộc Cty
10	Sà lan mặt bằng 2.650 tấn	1	Việt Nam	62 x 19 x 3,5 m	Thuộc Cty
11	Sà lan mặt bằng 2.050 tấn	1	Việt Nam	56 x 15 x 3,5 m	Thuộc Cty
12	Sà lan mặt bằng 2.050 tấn	2	Việt Nam	59 x 15,5 x 3,2 m	Thuộc Cty
13	Sà lan mặt bằng 2.000 tấn	1	Việt Nam	59 x 15,2 x 3,2 m	Thuộc Cty
14	Sà lan mặt bằng 1.700 tấn	1	Việt Nam	62 x 19 x 3,5 m	Thuộc Cty
15	Sà lan mặt bằng 1.550 tấn	1	Việt Nam	52 x 15 x 3,2 m	Thuộc Cty
16	Sà lan mặt bằng 1.450 tấn	1	Việt Nam	45,5 x 14,5 x 3 m	Thuộc Cty
17	Sà lan mặt bằng 1.450 tấn	1	Việt Nam	50 x 14,2 x 3,2 m	Thuộc Cty
18	Sà lan mặt bằng 1.400 tấn	1	Việt Nam	45,5 x 14,5 x 3	Thuộc Cty
19	Sà lan mặt bằng 1.350 tấn	2	Việt Nam	43 x 13,6 x 3,1 m	Thuộc Cty
MÁY PHÁT ĐIỆN, MÁY HÀN, BÚA					
1	Máy phát điện Mitsubishi	1	Nhật	300KVA, 380/220V	Thuộc Cty
2	Máy phát điện Denyo	3	Nhật	80 - 100 - 175KVA	Thuộc Cty
3	Máy phát điện Komatsu	1	Nhật	73KVA, 380/220V	Thuộc Cty
4	Máy hàn	14	Việt Nam	300A	Thuộc Cty
5	Quả búa diesel MB-80	2	Nhật	12 - 22,4 T.M	Thuộc Cty
6	Quả búa diesel KB-45	2	Nhật	3 - 8 T.M	Thuộc Cty
7	Quả búa diesel MB-45	1	Nhật	3 - 8 T.M	Thuộc Cty
8	Quả búa HD-80	1	Trung Quốc	12 - 22,4 T.M	Thuộc Cty



TRÚC MINH
TRADING & SERVICE - CONSTRUCTION - TRANSPORT

CẦN TRỤC
BÁNH XÍCH



Cần trục bánh xích
DEMAG CC2500

500 TẤN

*** Thông số kỹ thuật**

- Mã hiệu	DEMAG CC2500
- Năm xuất xưởng	2002, Mỹ
- Số chế tạo	250C021

*** Đặc tính kỹ thuật**

- Tải trọng thiết kế	500 tấn
- Tải trọng thực tế	284 tấn
- Tầm với	6,0 ÷ 70 mét
- Vận tốc quay	0 ÷ 2,5 vòng/ phút
- Vận tốc nâng	54 ÷ 108 mét/ phút
- Vận tốc di chuyển máy trục	0 ÷ 7 mét/ phút
- Chiều cao nâng	0 ÷ 60 mét





Cần trục bánh xích
CLARK 7707

300 TẤN

*** Thông số kỹ thuật**

- Mã hiệu	CLARK 7707
- Năm xuất xưởng	2002, Mỹ
- Số chế tạo	913AC489

*** Đặc tính kỹ thuật**

- Tải trọng thiết kế	300 tấn
- Tải trọng thực tế	176 tấn
- Tầm với	4,55 ÷ 57,91 mét
- Vận tốc quay	0 ÷ 2,1 vòng/ phút
- Vận tốc nâng	54 ÷ 106 mét/ phút
- Vận tốc di chuyển máy trục	0 ÷ 6,04 mét/ phút
- Chiều cao nâng	0 ÷ 59,5 mét





Cần trục bánh xích
LIMA 7707
300 TẤN

*** Thông số kỹ thuật**

- Mã hiệu	LIMA 7707
- Năm xuất xưởng	2002, Mỹ
- Số chế tạo	713A121

*** Đặc tính kỹ thuật**

- Tải trọng thiết kế	300 tấn
- Tải trọng thực tế	176 tấn
- Tầm với	4,55 ÷ 57,91 mét
- Vận tốc quay	0 ÷ 2,1 vòng/phút
- Vận tốc nâng	54 ÷ 106 mét/phút
- Vận tốc di chuyển máy trục	0 ÷ 6,04 mét/phút
- Chiều cao nâng	0 ÷ 59,5 mét





 Cần trục bánh xích
AMERICAN 9320
240 TẤN

*** Thông số kỹ thuật**

- Mã hiệu	AMERICAN 9320
- Năm xuất xưởng	2000, Mỹ
- Số chế tạo	9001-AC-3498

*** Đặc tính kỹ thuật**

- Tải trọng thiết kế	226 tấn
- Tải trọng thực tế	134 tấn
- Tầm với	5,2 ÷ 54 mét
- Vận tốc quay	1,9 ÷ 2,2 vòng/phút
- Vận tốc nâng	30 ÷ 80 mét/phút
- Vận tốc di chuyển máy trục	0 ÷ 6,04 mét/phút
- Chiều cao nâng	0 ÷ 54,9 mét





240 TẤN

*** Thông số kỹ thuật**

- Mã hiệu	LIMA 2400-B
- Năm xuất xưởng	1985, Mỹ
- Số chế tạo	12-3265

*** Đặc tính kỹ thuật**

- Tải trọng thiết kế	240 tấn
- Tải trọng thực tế	150 tấn
- Tầm với	5,0 ÷ 54 mét
- Vận tốc quay	0 ÷ 2,5 vòng/phút
- Vận tốc nâng	0 ÷ 5 mét/phút
- Vận tốc di chuyển máy trục	0 ÷ 25 mét/phút
- Chiều cao nâng	0 ÷ 54 mét



*** Thông số kỹ thuật**

- Mã hiệu	LIMA 2400B
- Năm xuất xưởng	1980, Mỹ
- Số chế tạo	1665

*** Đặc tính kỹ thuật**

- Tải trọng thiết kế	240 tấn
- Tải trọng thực tế	150 tấn
- Tầm với	5,0 ÷ 54 mét
- Vận tốc quay	0 ÷ 2,5 vòng/phút
- Vận tốc nâng	0 ÷ 5 mét/phút
- Vận tốc di chuyển máy trục	0 ÷ 25 mét/phút
- Chiều cao nâng	0 ÷ 54 mét





Cần trục bánh xích
CLARK - LIMA
240 TẤN

*** Thông số kỹ thuật**

- Mã hiệu	CLARK-LIMA 2400B
- Năm xuất xưởng	1990, Mỹ
- Số chế tạo	79523

*** Đặc tính kỹ thuật**

- Tải trọng thiết kế	240 tấn
- Tải trọng thực tế	150 tấn
- Tầm với	5,0 ÷ 54 mét
- Vận tốc quay	0 ÷ 2,5 vòng/phút
- Vận tốc nâng	0 ÷ 5 mét/phút
- Vận tốc di chuyển máy trục	0 ÷ 25 mét/phút
- Chiều cao nâng	0 ÷ 54 mét





Cần trục bánh xích
LIMA 2400-SC
240 TẤN

*** Thông số kỹ thuật**

- Mã hiệu	LIMA 2400-SC
- Năm xuất xưởng	1990, Mỹ
- Số chế tạo	36666

*** Đặc tính kỹ thuật**

- Tải trọng thiết kế	240 tấn
- Tải trọng thực tế	150 tấn
- Tầm với	5,0 ÷ 54 mét
- Vận tốc quay	0 ÷ 2,5 vòng/phút
- Vận tốc nâng	0 ÷ 5 mét/phút
- Vận tốc di chuyển máy trục	0 ÷ 18,3 mét/phút
- Chiều cao nâng	0 ÷ 54 mét





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc	
05707	
GIẤY CHỨNG NHẬN	
BẢNG KÝ XE MÁY CHUYỂN	
Tên chủ sở hữu: KAN CHU TRUNG	
Trụ sở chủ sở hữu:	
Địa chỉ: 258 Cơ sở Núi Lũng, P. Tân Thuận Tây, Quận 7	
Tên xe máy chuyển nhượng: Xe cẩu trục bánh xích	
Biển số đăng ký: 50XA-2278	
CHỖ ĐĂNG KÝ	ĐẶC ĐIỂM
Loại xe: 0500000	Màu sơn: Xanh - Đen
Số khung: 010000	Số động cơ: 00000
Loại xe: 050000	Trọng lượng: 0000 kg
Kích thước (Dài x rộng x cao)	0000x0000x0000
Ngày 28 tháng 10 năm 2021	
ET, OD họ GTVT, LP, HCM	
Pháp nhân (Họ, Tên)	
Tư pháp (Họ, Tên)	
Chức vụ (Họ, Tên)	
Mức chứng từ gốc: 50	

 Cần trục bánh xích
LIMA
125 TẤN

*** Thông số kỹ thuật**

- Mã hiệu	LIMA 1200SC
- Năm xuất xưởng	1981, Mỹ
- Số chế tạo	24976

*** Đặc tính kỹ thuật**

- Tải trọng thiết kế	125 tấn
- Tải trọng thực tế	62 tấn
- Tầm với	4,57 ÷ 46 mét
- Vận tốc quay	0 ÷ 3,3 vòng/phút
- Vận tốc nâng	0 ÷ 64 mét/phút
- Vận tốc di chuyển máy trục	0 ÷ 16,6 mét/phút
- Chiều cao nâng	0 ÷ 30 mét





Cần trục bánh xích
PLH LIMA
125 TẤN

*** Thông số kỹ thuật**

- Mã hiệu	PLH LIMA
- Năm xuất xưởng	1985, Mỹ
- Số chế tạo	34914

*** Đặc tính kỹ thuật**

- Tải trọng thiết kế	125 tấn
- Tải trọng thực tế	62 tấn
- Tầm với	4,7 ÷ 46 mét
- Vận tốc quay	0 ÷ 3,3 vòng/phút
- Vận tốc nâng	0 ÷ 64 mét/phút
- Vận tốc di chuyển máy trục	0 ÷ 16,6 mét/phút
- Chiều cao nâng	0 ÷ 30 mét





100 TẤN

*** Thông số kỹ thuật**

- Mã hiệu	IHI 1495
- Năm xuất xưởng	1988, Nhật Bản
- Số chế tạo	197310

*** Đặc tính kỹ thuật**

- Tải trọng thiết kế	100 tấn
- Tải trọng thực tế	50 tấn
- Tầm với	5,0 ÷ 25 mét
- Vận tốc quay	0 ÷ 2,0 vòng/phút
- Vận tốc nâng	0 ÷ 10 mét/phút
- Vận tốc di chuyển máy trục	0 ÷ 20 mét/phút
- Chiều cao nâng	0 ÷ 25 mét





TRÚC MINH
TRADING & SERVICE - CONSTRUCTION - TRANSPORT

S À L A N
P O N T O N



S À L A N
P O N T O N
7.500 TẤN





* Thông số kỹ thuật

- Tên sà lan	Sà lan Ponton 7.500 tấn
- Quốc tịch	Việt Nam
- Chủ tàu	Công ty TNHH VT - XD -TM và DV Trúc Minh
- Năm đóng/ Hoán cải	2021, Long An, Việt Nam
- Số phân cấp đăng kiểm	V50-08050
- Cảng đăng ký	Sài Gòn
- Số đăng ký	SG-9371
- Cấp tàu	VR-SB
- Công dụng	Chở hàng
- Dung tích toàn phần	2.883 GRT
- Trọng tải toàn phần	7.500 DWT
- Kích thước (LxBxHxD)	92.5 x 24 x 4,8 x 4 mét
- Loại sà lan	Ponton vỏ thép, không tự hành
- Tải trọng mặt boong	Kết cấu hệ thống theo bản vẽ ~ 15 tấn/m²
- Hệ thống khoang kết	Chiều dày tôn boong, mạn đáy theo bản vẽ thiết kế
- Máy phát điện	Theo bản vẽ thiết kế
- Hệ thống tời neo	Theo bản vẽ thiết kế
- Neo	4 tời neo điện định vị 4 góc
- Hệ thống cứu sinh	2 cái, trọng lượng 1.750 kg/cái
- Trang bị khác	Theo bản vẽ thiết kế



SÀ LAN PONTON 4.400 TẤN



* Thông số kỹ thuật

- Tên sà lan
- Quốc tịch
- Chủ tàu
- Năm đóng
- Số phân cấp đăng kiểm
- Cảng đăng ký
- Số đăng ký
- Cấp tàu
- Công dụng
- Dung tích toàn phần
- Trọng tải toàn phần
- Kích thước (LxBxHxD)
- Loại sà lan

- Tải trọng mặt boong

- Hệ thống khoang kết
- Máy phát điện
- Hệ thống tời neo
- Neo
- Hệ thống cứu sinh
- Trang bị khác

Sà lan Ponton 4.400 tấn

Việt Nam

Công ty TNHH VT - XD -TM và DV Trúc Minh
2021, Công ty Huy Hiền Long An, Việt Nam
V50-08005

Sài Gòn

SG-9322

VR-SB

Chở hàng

1.791 GRT

4.342 DWT

82 x 20 x 4 x 3,2 mét

Ponton vỏ thép, không tự hành

Kết cấu hệ thống theo bản vẽ

~ 15 tấn/m²

Chiều dày tôn boong,

mạn đáy theo bản vẽ thiết kế

Theo bản vẽ thiết kế

Theo bản vẽ thiết kế

4 tời neo điện định vị 4 góc

2 cái, trọng lượng 1.750 kg/cái

Theo bản vẽ thiết kế

Theo bản vẽ thiết kế





S À L A N
P O N T O N
5.000 TẤN



* Thông số kỹ thuật

- Tên sà lan	Sà lan Ponton 5.000 tấn
- Quốc tịch	Việt Nam
- Chủ tàu	Công ty TNHH VT - XD -TM và DV Trúc Minh
- Năm đóng/ Hoán cải	2009, NMĐT Nam Triệu, Việt Nam
- Số phân cấp đăng kiểm	V50-03831
- Cảng đăng ký	Sài Gòn
- Số đăng ký	SG-5058
- Cấp tàu	VR-SB
- Công dụng	Tàu cần cầu & chở hàng
- Dung tích toàn phần	1,566 GRT
- Trọng tải toàn phần	5,000 DWT
- Kích thước (LxBxHxD)	71,2 x 22 x 4,4 x 3,79 mét
- Loại sà lan	Ponton vỏ thép, không tự hành
	Kết cấu hệ thống theo bản vẽ
- Tải trọng mặt boong	~ 15 tấn/m²
	Chiều dày tôn boong,
	mạn đáy theo bản vẽ thiết kế
- Hệ thống khoang kết	Theo bản vẽ thiết kế
- Máy phát điện	Theo bản vẽ thiết kế
- Hệ thống tời neo	4 tời neo điện định vị 4 góc
- Neo	2 cái, trọng lượng 1.500 kg/cái
- Hệ thống cứu sinh	Theo bản vẽ thiết kế
- Trang bị khác	Theo bản vẽ thiết kế



SÀ LAN PONTON 4.200 TẤN



* Thông số kỹ thuật

- Tên sà lan
- Quốc tịch
- Chủ tàu
- Năm đóng/ Hoán cải
- Số phân cấp đăng kiểm
- Cảng đăng ký
- Số đăng ký
- Cấp tàu
- Công dụng
- Dung tích toàn phần
- **Trọng tải toàn phần**
- **Kích thước (LxBxHxD)**
- Loại sà lan

- Tải trọng mặt boong

- Hệ thống khoang kết
- **Máy phát điện**
- **Hệ thống tời neo**
- Neo
- Hệ thống cứu sinh
- Trang bị khác

Sa lan Ponton 4.200 tấn

Việt Nam

Công ty TNHH VT - XD -TM và DV Trúc Minh

2020 Long An, Việt Nam

V50-07784

Sài Gòn

SG-9095

VR-SB

Chở hàng

1.680 GRT

4.130 DWT

79 x 20 x 4 x 3,2 mét

Ponton vỏ thép, không tự hành

Kết cấu hệ thống theo bản vẽ

~ 15 tấn/m²

Chiều dày tôn boong,

mạn đáy theo bản vẽ thiết kế

Theo bản vẽ thiết kế

Theo bản vẽ thiết kế

4 tời neo điện định vị 4 góc

2 cái, trọng lượng 1.500 kg/cái

Theo bản vẽ thiết kế

Theo bản vẽ thiết kế





SÀ LAN PONTON 4.200 TẤN



* Thông số kỹ thuật

- Tên sà lan
- Quốc tịch
- Chủ tàu
- Năm đóng/ Hoán cải
- Số phân cấp đăng kiểm
- Cảng đăng ký
- Số đăng ký
- Cấp tàu
- Công dụng
- Dung tích toàn phần
- Trọng tải toàn phần
- Kích thước (LxBxHxD)
- Loại sà lan

- Tải trọng mặt boong

- Hệ thống khoang kết
- Máy phát điện
- Hệ thống tời neo
- Neo
- Hệ thống cứu sinh
- Trang bị khác

Sa lan Ponton 4.200 tấn

Việt Nam

Công ty TNHH VT - XD -TM và DV Trúc Minh

2022, Long An

V50-08196

Sài Gòn

SG-9576

VR-SB

Chở hàng

1.680 GRT

4.136 DWT

79 x 20 x 4 x 3,2 mét

Ponton vỏ thép, không tự hành

Kết cấu hệ thống theo bản vẽ

~ 15 tấn/m²

Chiều dày tôn boong,

mạn đáy theo bản vẽ thiết kế

Theo bản vẽ thiết kế

Theo bản vẽ thiết kế

4 tời neo điện định vị 4 góc

2 cái, trọng lượng 1.500 kg/cái

Theo bản vẽ thiết kế

Theo bản vẽ thiết kế



SÀ LAN PONTON 4.000 TẤN

* Thông số kỹ thuật

- Tên sà lan
- Quốc tịch
- Chủ tàu
- Năm đóng/ Hoán cải
- Số phân cấp đăng kiểm
- Cảng đăng ký
- Số đăng ký
- Cấp tàu
- Công dụng
- Dung tích toàn phần
- **Trọng tải toàn phần**
- **Kích thước (LxBxHxD)**
- Loại sà lan
- Tải trọng mặt boong
- Hệ thống khoang kết
- **Máy phát điện**
- **Hệ thống tời neo**
- Neo
- Hệ thống cứu sinh
- Trang bị khác

Sà lan Ponton 4.000 tấn

Việt Nam

Công ty TNHH VT - XD -TM và DV Trúc Minh
2007, Hải Phòng/ 2021, Long An

V50-07082

Sài Gòn

SG-8209

VR-SB

Tàu cần cầu & chở hàng

2.203 GRT

3.926 DWT

86 x 22 x 4,4 x 2,8 mét

Ponton vỏ thép, không tự hành

Kết cấu hệ thống theo bản vẽ

~ 15 tấn/m²

Chiều dày tôn boong,

mạn đáy theo bản vẽ thiết kế

Theo bản vẽ thiết kế

Theo bản vẽ thiết kế

4 tời neo điện định vị 4 góc

4 cái, trọng lượng 3.040 kg/cái

Theo bản vẽ thiết kế

Theo bản vẽ thiết kế







SÀ LAN PONTON 4.000 TẤN



* Thông số kỹ thuật

- Tên sà lan
- Quốc tịch
- Chủ tàu
- Năm đóng
- Số phân cấp đăng kiểm
- Cảng đăng ký
- Số đăng ký
- Cấp tàu
- Công dụng
- Dung tích toàn phần
- Trọng tải toàn phần
- Kích thước (LxBxHxD)
- Loại sà lan

- Tải trọng mặt boong

- Hệ thống khoang kết
- Máy phát điện
- Hệ thống tời neo
- Neo
- Hệ thống cứu sinh
- Trang bị khác

Sa lan Ponton 4.000 tấn

Việt Nam

Công ty TNHH VT - XD -TM và DV Trúc Minh

2021, Long An

V50-08115

Sài Gòn

SG-9410

VR-SB

Tàu cần cầu & chở hàng

2.667 GRT

3.951 DWT

86 x 24 x 4,8 x 2,8 mét

Ponton vỏ thép, không tự hành

Kết cấu hệ thống theo bản vẽ

~ 15 tấn/m²

Chiều dày tôn boong,

mạn đáy theo bản vẽ thiết kế

Theo bản vẽ thiết kế

Theo bản vẽ thiết kế

4 tời neo điện định vị 4 góc

2 cái, trọng lượng 1.750 kg/cái

Theo bản vẽ thiết kế

Theo bản vẽ thiết kế



S À L A N P O N T O N 2.700 TẤN



* Thông số kỹ thuật

- Tên sà lan	Sà lan Ponton 2.700 tấn
- Quốc tịch	Việt Nam
- Chủ tàu	Công ty TNHH VT - XD -TM và DV Trúc Minh
- Năm đóng/ Hoán cải	2020, TP.HCM
- Số phân cấp đăng kiểm	V50-07773
- Cảng đăng ký	Sài Gòn
- Số đăng ký	SG-9079
- Cấp tàu	VR-SB
- Công dụng	Tàu cần cầu & chở hàng
- Dung tích toàn phần	1.457 GRT
- Trọng tải toàn phần	2.693 DWT
- Kích thước (LxBxHxD)	79 x 20 x 3,5 x 2,2 mét
- Loại sà lan	Ponton vỏ thép, không tự hành
	Kết cấu hệ thống theo bản vẽ
- Tải trọng mặt boong	~ 15 tấn/m²
	Chiều dày tôn boong,
	mạn đáy theo bản vẽ thiết kế
- Hệ thống khoang kết	Theo bản vẽ thiết kế
- Máy phát điện	Theo bản vẽ thiết kế
- Hệ thống tời neo	4 tời neo điện định vị 4 góc
- Neo	2 cái, trọng lượng 3.500 kg/cái
- Hệ thống cứu sinh	Theo bản vẽ thiết kế
- Trang bị khác	Theo bản vẽ thiết kế





SÀ LAN PONTON 3.000 TẤN



* Thông số kỹ thuật

- Tên sà lan
- Quốc tịch
- Chủ tàu
- Năm đóng
- Số phân cấp đăng kiểm
- Cảng đăng ký
- Số đăng ký
- Cấp tàu
- Công dụng
- Dung tích toàn phần
- Trọng tải toàn phần
- Kích thước (LxBxHxD)
- Loại sà lan

- Tải trọng mặt boong

- Hệ thống khoang kết
- Máy phát điện
- Hệ thống tời neo
- Neo
- Hệ thống cứu sinh
- Trang bị khác

Sa lan Ponton 3.000 tấn

Việt Nam

Công ty TNHH VT - XD -TM và DV Trúc Minh

2021, Công ty Huy Hiển, Long An

V50-07785

Sài Gòn

SG-9248

VR-SB

Tàu cần cầu & chở hàng

2.222 GRT

2.918 DWT

84 x 22 x 4,5 x 2,4 mét

Ponton vỏ thép, không tự hành

Kết cấu hệ thống theo bản vẽ

~ 15 tấn/m²

Chiều dày tôn boong,

mạn đáy theo bản vẽ thiết kế

Theo bản vẽ thiết kế

Theo bản vẽ thiết kế

4 tời neo điện định vị 4 góc

2 cái, trọng lượng 1.500 kg/cái

Theo bản vẽ thiết kế

Theo bản vẽ thiết kế



SÀ LAN PONTON 2.650 TẤN



* Thông số kỹ thuật

- Tên sà lan	Sà lan Ponton 2.650 tấn
- Quốc tịch	Việt Nam
- Chủ tàu	Công ty TNHH VT - XD -TM và DV Trúc Minh
- Năm đóng/ Hoán cải	2006, Sài Gòn/ 2017, TP.HCM
- Số phân cấp đăng kiểm	V50-05298
- Cảng đăng ký	Sài Gòn
- Số đăng ký	SG-6815
- Cấp tàu	VR-SB
- Công dụng	Tàu cần cầu & chở hàng
- Dung tích toàn phần	1.279 GRT
- Trọng tải toàn phần	2,640 DWT
- Kích thước (LxBxHxD)	59 x 16,5 x 3,8 x 3,3 mét
- Loại sà lan	Ponton vỏ thép, không tự hành
- Tải trọng mặt boong	Kết cấu hệ thống theo bản vẽ ~ 15 tấn/m ²
- Hệ thống khoang kết	Chiều dày tôn boong, mạn đáy theo bản vẽ thiết kế
- Máy phát điện	Theo bản vẽ thiết kế
- Hệ thống tời neo	Theo bản vẽ thiết kế
- Neo	4 tời neo điện định vị 4 góc
- Hệ thống cứu sinh	2 cái, trọng lượng 800 kg
- Trang bị khác	Theo bản vẽ thiết kế



SÀ LAN
PONTON
2.650 TẤN



* Thông số kỹ thuật

- Tên sà lan	Sà lan Ponton 2.650 tấn
- Quốc tịch	Việt Nam
- Chủ tàu	Công ty TNHH VT - XD -TM và DV Trúc Minh
- Năm đóng/ Hoán cải	2015, Công ty TNHH Minh Tiến Hưng, Việt Nam
- Số phân cấp đăng kiểm	V50-06130
- Cảng đăng ký	Sài Gòn
- Số đăng ký	SG-7513
- Cấp tàu	VR-SB
- Công dụng	Tàu cần cầu & chở hàng
- Dung tích toàn phần	1.352 GRT
- Trọng tải toàn phần	2.665 DWT
- Kích thước (LxBxHxD)	62 x 19 x 3,5 x 2 mét
- Loại sà lan	Ponton vỏ thép, không tự hành
	Kết cấu hệ thống theo bản vẽ
- Tải trọng mặt boong	~ 15 tấn/ m²
	Chiều dày tôn boong,
	mạn đáy theo bản vẽ thiết kế
- Hệ thống khoang kết	Theo bản vẽ thiết kế
- Máy phát điện	Theo bản vẽ thiết kế
- Hệ thống tời neo	4 tời neo điện định vị 4 góc
- Neo	2 cái, trọng lượng 1.200 kg/cái
- Hệ thống cứu sinh	Theo bản vẽ thiết kế
- Trang bị khác	Theo bản vẽ thiết kế



S À L A N

P O N T O N

2.050 TẤN



* Thông số kỹ thuật

- Tên sà lan	Sà lan Ponton 2.050 tấn
- Quốc tịch	Việt Nam
- Chủ tàu	Công ty TNHH VT - XD -TM và DV Trúc Minh
- Năm đóng/ Hoán cải	2015, Công ty CPCK Tiền Giang/ 2019, TP.HCM
- Số phân cấp đăng kiểm	V50-05790
- Cảng đăng ký	Sài Gòn
- Số đăng ký	SG-7131
- Cấp tàu	VR-SI
- Công dụng	Tàu cần cầu & chở hàng
- Dung tích toàn phần	701 GRT
- Trọng tải toàn phần	2.050 DWT
- Kích thước (LxBxHxD)	56 x 15 x 3,5 x 3 mét
- Loại sà lan	Ponton vỏ thép, không tự hành Kết cấu hệ thống theo bản vẽ
- Tải trọng mặt boong	~ 15 tấn/m² Chiều dày tôn boong, mạn đáy theo bản vẽ thiết kế
- Hệ thống khoang kết	Theo bản vẽ thiết kế
- Máy phát điện	Theo bản vẽ thiết kế
- Hệ thống tời neo	4 tời neo điện định vị 4 góc
- Neo	2 cái, trọng lượng 600 kg/cái
- Hệ thống cứu sinh	Theo bản vẽ thiết kế
- Trang bị khác	Theo bản vẽ thiết kế





SÀ LAN PONTON 2.050 TẤN

* Thông số kỹ thuật

- Tên sà lan
- Quốc tịch
- Chủ tàu
- Năm đóng/ Hoán cải
- Số phân cấp đăng kiểm
- Cảng đăng ký
- Số đăng ký
- Cấp tàu
- Công dụng
- Dung tích toàn phần
- **Trọng tải toàn phần**
- **Kích thước (LxBxHxD)**
- Loại sà lan
- Tải trọng mặt boong
- Hệ thống khoang kết
- **Máy phát điện**
- **Hệ thống tời neo**
- Neo
- Hệ thống cứu sinh
- Trang bị khác

Sà lan Ponton 2.050 tấn

Việt Nam

Công ty TNHH VT - XD -TM và DV Trúc Minh
2003, Xưởng Minh Huy -Tiền Giang, Việt Nam
V50-02580

Sài Gòn

SG-6941

VR-SI

Chở hàng

898 GRT

2.050 DWT

59 x 15,5 x 3,2 x 2,8 mét

Ponton vỏ thép, không tự hành

Kết cấu hệ thống theo bản vẽ

~ 15 tấn/m²

Chiều dày tôn boong,

mạn đáy theo bản vẽ thiết kế

Theo bản vẽ thiết kế

Theo bản vẽ thiết kế

4 tời neo điện định vị 4 góc

2 cái, trọng lượng 800 kg/cái

Theo bản vẽ thiết kế

Theo bản vẽ thiết kế



SÀ LAN PONTON 2.050 TẤN



* Thông số kỹ thuật

- Tên sà lan
- Quốc tịch
- Chủ tàu
- Năm đóng/ Hoán cải
- Số phân cấp đăng kiểm
- Cảng đăng ký
- Số đăng ký
- Cấp tàu
- Công dụng
- Dung tích toàn phần
- Trọng tải toàn phần
- Kích thước (LxBxHxD)
- Loại sà lan

- Tải trọng mặt boong

- Hệ thống khoang kết
- Máy phát điện
- Hệ thống tời neo
- Neo
- Hệ thống cứu sinh
- Trang bị khác

Sà lan Ponton 2.050 tấn

Việt Nam

Công ty TNHH VT - XD - TM và DV Trúc Minh
2015, Công ty CPCK Tiền Giang/ 2019 TP.HCM
V50-05984

Sài Gòn

SG-7605

VR-SB

Tàu cần cầu & chờ hàng

958 GRT

2.000 DWT

56 x 15 x 3,5 x 3 mét

Ponton vỏ thép, không tự hành

Kết cấu hệ thống theo bản vẽ

~ 15 tấn/m²

Chiều dày tôn boong,

mạn đáy theo bản vẽ thiết kế

Theo bản vẽ thiết kế

Theo bản vẽ thiết kế

4 tời neo điện định vị 4 góc

2 cái, trọng lượng 800 kg/cái

Theo bản vẽ thiết kế

Theo bản vẽ thiết kế



SÀ LAN PONTON **2.000**TẤN

* Thông số kỹ thuật

- Tên sà lan
- Quốc tịch
- Chủ tàu
- Năm đóng/ Hoán cải
- Số phân cấp đăng kiểm
- Cảng đăng ký
- Số đăng ký
- Cấp tàu
- Công dụng
- Dung tích toàn phần
- **Trọng tải toàn phần**
- **Kích thước (LxBxHxD)**
- Loại sà lan
- Tải trọng mặt boong
- Hệ thống khoang kết
- **Máy phát điện**
- **Hệ thống tời neo**
- Neo
- Hệ thống cứu sinh
- Trang bị khác

Sà lan Ponton 2.000 tấn

Việt Nam

Công ty TNHH VT - XD -TM và DV Trúc Minh
2003, Xưởng Minh Huy -Tiền Giang, Việt Nam
V50-02571

Sài Gòn

SG-0202

VR-SI

Chở hàng

898 GRT

2.000 DWT

59 x 15,2 x 3,2 x 2,8 mét

Ponton vỏ thép, không tự hành

Kết cấu hệ thống theo bản vẽ

~ 15 tấn/m²

Chiều dày tôn boong,

mạn đáy theo bản vẽ thiết kế

Theo bản vẽ thiết kế

Theo bản vẽ thiết kế

4 tời neo điện định vị 4 góc

2 cái, trọng lượng 800 kg/cái

Theo bản vẽ thiết kế

Theo bản vẽ thiết kế



S À L A N
P O N T O N
1.700 TẤN



* Thông số kỹ thuật

- Tên sà lan	Sà lan Ponton 1.700 tấn
- Quốc tịch	Việt Nam
- Chủ tàu	Công ty TNHH VT - XD -TM và DV Trúc Minh
- Năm đóng/ Hoán cải	2021, Long An, Việt Nam
- Số phân cấp đăng kiểm	V50-08084
- Cảng đăng ký	Sài Gòn
- Số đăng ký	SG-9382
- Cấp tàu	VR-SB
- Công dụng	Tàu cần cầu & chờ hàng
- Dung tích toàn phần	1.061 GRT
- Trọng tải toàn phần	1.617 DWT
- Kích thước (LxBxHxD)	62 x 19 x 3,5 x 2,2 mét
- Loại sà lan	Ponton vỏ thép, không tự hành
- Tải trọng mặt boong	Kết cấu hệ thống theo bản vẽ ~ 15 tấn/ m²
- Hệ thống khoang kết	Chiều dày tôn boong, mạn đáy theo bản vẽ thiết kế
- Máy phát điện	Theo bản vẽ thiết kế
- Hệ thống tời neo	Theo bản vẽ thiết kế
- Neo	4 tời neo điện định vị 4 góc
- Hệ thống cứu sinh	2 cái, trọng lượng 1.200 kg/cái
- Trang bị khác	Theo bản vẽ thiết kế



SÀ LAN PONTON 1.550 TẤN



* Thông số kỹ thuật

- Tên sà lan
- Quốc tịch
- Chủ tàu
- Năm đóng/ Hoán cải
- Số phân cấp đăng kiểm
- Cảng đăng ký
- Số đăng ký
- Cấp tàu
- Công dụng
- Dung tích toàn phần
- Trọng tải toàn phần
- Kích thước (LxBxHxD)
- Loại sà lan

- Tải trọng mặt boong

- Hệ thống khoang kết
- Máy phát điện
- Hệ thống tời neo
- Neo
- Hệ thống cứu sinh
- Trang bị khác

Sà lan Ponton 1.550 tấn

Việt Nam

Công ty TNHH VT - XD -TM và DV Trúc Minh
2007, Việt Nam

VR072562

Sài Gòn

SG-1817

VR-SB

Chở hàng

760 GRT

1.550 DWT

52 x 15 x 3,2 x 2,8 mét

Ponton vỏ thép, không tự hành

Kết cấu hệ thống theo bản vẽ

~ 15 tấn/m²

Chiều dày tôn boong,

mạn đáy theo bản vẽ thiết kế

Theo bản vẽ thiết kế

Theo bản vẽ thiết kế

4 tời neo điện định vị 4 góc

2 cái, trọng lượng 800 kg/cái

Theo bản vẽ thiết kế

Theo bản vẽ thiết kế



S À L A N

P O N T O N

1.450 TẤN



* Thông số kỹ thuật

- Tên sà lan	Sa lan Ponton 1.450 tấn
- Quốc tịch	Việt Nam
- Chủ tàu	Công ty TNHH VT - XD -TM và DV Trúc Minh
- Năm đóng/ Hoán cải	2008, Công ty Hà Đức, Việt Nam
- Số phân cấp đăng kiểm	V50-05163
- Cảng đăng ký	Sài Gòn
- Số đăng ký	SG-6396
- Cấp tàu	VR-SB
- Công dụng	Chở hàng
- Dung tích toàn phần	660 GRT
- Trọng tải toàn phần	1.000 DWT
- Kích thước (LxBxHxD)	45,5 x 14,5 x 3 x 2 mét
- Loại sà lan	Ponton vỏ thép, không tự hành
	Kết cấu hệ thống theo bản vẽ
- Tải trọng mặt boong	~ 15 tấn/m²
	Chiều dày tôn boong,
	mạn đáy theo bản vẽ thiết kế
- Hệ thống khoang kết	Theo bản vẽ thiết kế
- Máy phát điện	Theo bản vẽ thiết kế
- Hệ thống tời neo	4 tời neo điện định vị 4 góc
- Neo	2 cái, trọng lượng 800 kg/cái
- Hệ thống cứu sinh	Theo bản vẽ thiết kế
- Trang bị khác	Theo bản vẽ thiết kế



SÀ LAN PONTON **1.450 TẤN**



* Thông số kỹ thuật

- Tên sà lan
- Quốc tịch
- Chủ tàu
- Năm đóng/ Hoán cải
- Số phân cấp đăng kiểm
- Cảng đăng ký
- Số đăng ký
- Cấp tàu
- Công dụng
- Dung tích toàn phần
- **Trọng tải toàn phần**
- **Kích thước (LxBxHxD)**
- Loại sà lan

- Tải trọng mặt boong

- Hệ thống khoang kết
- **Máy phát điện**
- **Hệ thống tời neo**
- Neo
- Hệ thống cứu sinh
- Trang bị khác

Sa lan Ponton 1.450 tấn

Việt Nam

Công ty TNHH VT - XD -TM và DV Trúc Minh

2008, Cty TNHH Hoàng Thông Diệu / 2016, Bạc Liêu
V62-09067

Sài Gòn

LA-04101

VR-SB.

Chở hàng

750 GRT

1.450 DWT

50 x 14,2 x 3,2 x 2,7 mét

Ponton vỏ thép, không tự hành

Kết cấu hệ thống theo bản vẽ

~ 15 tấn/m²

Chiều dày tôn boong,

mạn đáy theo bản vẽ thiết kế

Theo bản vẽ thiết kế

Theo bản vẽ thiết kế

4 tời neo điện định vị 4 góc

2 cái, trọng lượng 700 kg/cái

Theo bản vẽ thiết kế

Theo bản vẽ thiết kế



SÀ LAN PONTON **1.400**TẤN

* Thông số kỹ thuật

- Tên sà lan
- Quốc tịch
- Chủ tàu
- Năm đóng/ Hoán cải
- Số phân cấp đăng kiểm
- Cảng đăng ký
- Số đăng ký
- Cấp tàu
- Công dụng
- Dung tích toàn phần
- **Trọng tải toàn phần**
- **Kích thước (LxBxHxD)**
- Loại sà lan

- Tải trọng mặt boong

- Hệ thống khoang kết
- **Máy phát điện**
- **Hệ thống tời neo**
- Neo
- Hệ thống cứu sinh
- Trang bị khác

Sà lan Ponton 1.400 tấn

Việt Nam

Công ty TNHH VT - XD -TM và DV Trúc Minh
2008, Sài Gòn, Việt Nam

V50-02822

Sài Gòn

SG-2574

VR-SI

Tàu cần cầu & chờ hàng

660 GRT

1.400 DWT

45,5 x 14,5 x 3 x 2 mét

Ponton vỏ thép, không tự hành

Kết cấu hệ thống theo bản vẽ

~ 15 tấn/m²

Chiều dày tôn boong,

mạn đáy theo bản vẽ thiết kế

Theo bản vẽ thiết kế

Theo bản vẽ thiết kế

4 tời neo điện định vị 4 góc

2 cái, trọng lượng 800 kg/cái

Theo bản vẽ thiết kế

Theo bản vẽ thiết kế



SÀ LAN PONTON 1.350 TẤN



* Thông số kỹ thuật

- Tên sà lan
- Quốc tịch
- Chủ tàu
- Năm đóng/ Hoán cải
- Số phân cấp đăng kiểm
- Cảng đăng ký
- Số đăng ký
- Cấp tàu
- Công dụng
- Dung tích toàn phần
- Trọng tải toàn phần
- Kích thước (LxBxHxD)
- Loại sà lan

- Tải trọng mặt boong

- Hệ thống khoang kết
- Máy phát điện
- Hệ thống tời neo
- Neo
- Hệ thống cứu sinh
- Trang bị khác

Sà lan Ponton 1.350 tấn

Việt Nam

Công ty TNHH VT - XD - TM và DV Trúc Minh
2008, Công ty Hà Đức, Việt Nam
V50-03324

Sài Gòn

SG-3803

VR-SI

Chở hàng

585 GRT

995 DWT

43 x 13,6 x 3,1 x 2,55 mét

Ponton vỏ thép, không tự hành

Kết cấu hệ thống theo bản vẽ

~ 15 tấn/m²

Chiều dày tôn boong,

mạn đáy theo bản vẽ thiết kế

Theo bản vẽ thiết kế

Theo bản vẽ thiết kế

4 tời neo điện định vị 4 góc

2 cái, trọng lượng 750 kg/cái

Theo bản vẽ thiết kế

Theo bản vẽ thiết kế



SÀ LAN PONTON 1.350 TẤN



* Thông số kỹ thuật

- Tên sà lan
- Quốc tịch
- Chủ tàu
- Năm đóng/ Hoán cải
- Số phân cấp đăng kiểm
- Cảng đăng ký
- Số đăng ký
- Cấp tàu
- Công dụng
- Dung tích toàn phần
- Trọng tải toàn phần
- Kích thước (LxBxHxD)
- Loại sà lan

- Tải trọng mặt boong

- Hệ thống khoang kết
- Máy phát điện
- Hệ thống tời neo
- Neo
- Hệ thống cứu sinh
- Trang bị khác

Sà lan Ponton 1.350 tấn

Việt Nam

Công ty TNHH VT - XD -TM và DV TrúC Minh
2007, Công ty Hà Đức, Việt Nam
V63-06316

Sài Gòn

SG-9127

VR-SI

Chở hàng

585 GRT

1.350 DWT

43 x 13,6 x 3,1 x 2,55 mét

Ponton vỏ thép, không tự hành

Kết cấu hệ thống theo bản vẽ

~ 15 tấn/m²

Chiều dày tôn boong,

mạn đáy theo bản vẽ thiết kế

Theo bản vẽ thiết kế

Theo bản vẽ thiết kế

4 tời neo điện định vị 4 góc

2 cái, trọng lượng 750 kg/cái

Theo bản vẽ thiết kế

Theo bản vẽ thiết kế



TRÚC MINH
TRADING & SERVICE - CONSTRUCTION - TRANSPORT

TÀU KÉO



TÀU KÉO 4.400 HB



* Thông số kỹ thuật

- Tên tàu	Tàu kéo đẩy 4.400 HB
- Quốc tịch	Việt Nam
- Chủ tàu	Công ty TNHH VT - XD -TM và DV Trúc Minh
- Năm đóng	2021, Việt Nam
- Cảng đăng ký	Sài Gòn
- Số đăng ký	SG-9256
- Số phân cấp đăng kiểm	V50-07913
- Cấp tàu	VR-SB
- Công suất máy	2 máy Caterpillar 4.400 HB
- Trọng tải toàn phần	211 tấn
- Kích thước (LxBxHxD)	31,2 x 10,1 x 4,5 x 3,6 mét
- Dung tích	324 GTR
- Lực kéo	40.000 kg
- Loại tàu	Thép





* Thông số kỹ thuật

- Tên tàu	Tàu kéo đẩy 3.000 HB
- Quốc tịch	Việt Nam
- Chủ tàu	Công ty TNHH VT - XD -TM và DV Trúc Minh
- Năm đóng	2016 Công ty TNHH ĐT 76, Việt Nam
- Cảng đăng ký	Sài Gòn
- Số đăng ký	SG-7861
- Số phân cấp đăng kiểm	V50-06777
- Cấp tàu	VR-SB
- Công suất máy	Yanmarr 3.000 HB x 2
- Trọng tải toàn phần	30.000 Kg
- Kích thước (LxBxHxD)	26,5 x 9,4 x 4 x 3 mét
- Dung tích	195 GTR
- Lực kéo	30.000 kg
- Loại tàu	Thép



TÀU KÉO **2.200** HB

* Thông số kỹ thuật

- Tên tàu	Tàu kéo đẩy 2.200 HB
- Quốc tịch	Việt Nam
- Chủ tàu	Công ty TNHH VT - XD -TM và DV Trúc Minh
- Năm đóng	2021, Việt Nam
- Cảng đăng ký	Sài Gòn
- Số đăng ký	SG-9305
- Số phân cấp đăng kiểm	V50-07978
- Cấp tàu	VR-SB
- Công suất máy	Caterpillad 3516B, 2.200 HB x 2
- Trọng tải toàn phần	130 tấn
- Kích thước (LxBxHxD)	26 x 8,6 x 4,5 x 3 mét
- Dung tích	194 GTR
- Lực kéo	20.000 kg
- Loại tàu	Thép



*** Thông số kỹ thuật**

- Tên tàu	Tàu kéo đẩy 1.400 HB
- Quốc tịch	Việt Nam
- Chủ tàu	Công ty TNHH VT - XD -TM và DV Trúc Minh
- Năm đóng	2011 Công ty VT & ĐM Thành Long, Việt Nam
- Cảng đăng ký	Sài Gòn
- Số đăng ký	SG-6222
- Số phân cấp đăng kiểm	V50-07186
- Cấp tàu	VR-SB
- Công suất máy	Cummins 1.400 HB x 2
- Trọng tải toàn phần	14.000 Kg
- Kích thước (LxBxHxD)	21,850 x 5,87 x 2,55 x 1,9 mét
- Dung tích	168 GTR
- Lực kéo	14.000 kg
- Loại tàu	Thép



TÀU KÉO **1.200** HB



* Thông số kỹ thuật

- Tên tàu	Tàu kéo đẩy 1.200 HB
- Quốc tịch	Việt Nam
- Chủ tàu	Công ty TNHH VT - XD -TM và DV Trúc Minh
- Năm đóng	2021, Việt Nam
- Cảng đăng ký	Sài Gòn
- Số đăng ký	SG-9319
- Số phân cấp đăng kiểm	V50-07944
- Cấp tàu	VR-SB / VR-SI
- Công suất máy	KTA19-G4 1.218 HB x 2
- Trọng tải toàn phần	157,8 tấn
- Kích thước (LxBxHxD)	25,12 x 7,72 x 3,4 x 2,6 mét
- Dung tích	148 GTR
- Lực kéo	1.620 kg
- Loại tàu	Thép



*** Thông số kỹ thuật**

- Tên tàu	Tàu kéo đẩy 1.000 HB
- Quốc tịch	Việt Nam
- Chủ tàu	Công ty TNHH VT - XD - TM và DV Trúc Minh
- Năm đóng	2016, Công ty TNHH VT Biển Cửu Long
- Cảng đăng ký	Sài Gòn
- Số đăng ký	SG-7865
- Số phân cấp đăng kiểm	V50-06768
- Cấp tàu	VR-SB
- Công suất máy	Cummins 1.050 HB x 2
- Trọng tải toàn phần	10,500 Kg
- Kích thước (LxBxHxD)	20,8 x 6,6 x 2,6 x 1,9 mét
- Dung tích	117 GTR
- Lực kéo	10.500 kg
- Loại tàu	Thép



TÀU KÉO
800HB



*** Thông số kỹ thuật**

- Tên tàu	Tàu kéo đẩy 800 HB
- Quốc tịch	Việt Nam
- Chủ tàu	Công ty TNHH VT - XD -TM và DV Trúc Minh
- Năm đóng	2016 Công ty Đóng tàu 76, Việt Nam
- Cảng đăng ký	Sài Gòn
- Số đăng ký	SG-7853
- Số phân cấp đăng kiểm	V50-06767
- Cấp tàu	VR-SB
- Công suất máy	Cummins 800 HB x 2
- Trọng tải toàn phần	34,14 tấn
- Kích thước (LxBxHxD)	22 x 6,2 x 2,6 x 1,9 mét
- Dung tích	96 GTR
- Lực kéo	8.000 kg
- Loại tàu	Thép



*** Thông số kỹ thuật**

- Tên tàu	Tàu kéo đẩy 700 HB
- Quốc tịch	Việt Nam
- Chủ tàu	Công ty TNHH VT - XD -TM và DV Trúc Minh
- Năm đóng	2000 Công ty VT & ĐM Thành Long, Việt Nam
- Cảng đăng ký	Sài Gòn
- Số đăng ký	SG-5667
- Số phân cấp đăng kiểm	V50-06817
- Cấp tàu	VR-SI
- Công suất máy	Mitsubishi 700 HB
- Trọng tải toàn phần	7.000 Kg
- Kích thước (LxBxHxD)	20,4 x 4,4 x 2,55 x 0,756 mét
- Dung tích	96 GTR
- Lực kéo	7.000 kg
- Loại tàu	Thép



TÀU KÉO **400HB**



* Thông số kỹ thuật

- Tên tàu	Tàu kéo đẩy 400 HB
- Quốc tịch	Việt Nam
- Chủ tàu	Công ty TNHH VT - XD -TM và DV Trúc Minh
- Năm đóng	2010 Xưởng Nhơn Hòa, Việt Nam
- Cảng đăng ký	Sài Gòn
- Số đăng ký	LA-07042
- Số phân cấp đăng kiểm	V50-05124
- Cấp tàu	VR-SI
- Công suất máy	Cummins 400 HB
- Trọng tải toàn phần	3.950 Kg
- Kích thước (LxBxHxD)	14,5 x 5,4 x 2 x 1,1 mét
- Dung tích	69 GTR
- Lực kéo	3.500 kg
- Loại tàu	Gỗ



TÀU KÉO 350 HB



* Thông số kỹ thuật

- Tên tàu	Tàu kéo đẩy 350 HB
- Quốc tịch	Việt Nam
- Chủ tàu	Công ty TNHH VT - XD -TM và DV Trúc Minh
- Năm đóng	2010 Xưởng Nhơn Hòa, Việt Nam
- Cảng đăng ký	Sài Gòn
- Số đăng ký	SG-5459
- Số phân cấp đăng kiểm	V50-5111
- Cấp tàu	VR-SI
- Công suất máy	Cummins 350 HB
- Trọng tải toàn phần	3.500 Kg
- Kích thước (LxBxHxD)	12,5 x 5,1 x 1,8 x 0,73 mét
- Dung tích	69 GTR
- Lực kéo	3.500 kg
- Loại tàu	Gỗ



TÀU KÉO **350** HB

* Thông số kỹ thuật

- Tên tàu	Tàu kéo đẩy 350 HB
- Quốc tịch	Việt Nam
- Chủ tàu	Công ty TNHH VT - XD -TM và DV Trúc Minh
- Năm đóng	2010 Xưởng Nhơn Hòa, Việt Nam
- Cảng đăng ký	Sài Gòn
- Số đăng ký	SG-2580
- Số phân cấp đăng kiểm	V50-05136
- Cấp tàu	VR-SI
- Công suất máy	Cummins 350 HB
- Trọng tải toàn phần	3.500 Kg
- Kích thước (LxBxHxD)	12 x 5,1 x 2 x 0,73 mét
- Dung tích	69 GTR
- Lực kéo	3.500 kg
- Loại tàu	Gỗ



CẢM ƠN,

Quý Khách Hàng rất nhiều
vì đã quan tâm đến
dịch vụ của Công ty chúng tôi.



CÔNG TY TNHH VT-XD-TM & DV TRÚC MINH

TRUC MINH TRADING & SERVICES - CONSTRUCTION - TRANSPORT LIMITED COMPANY

23i Đường số 1i Cư Xá Ngân Hàng, phường Tân Thuận Tây, quận 7, TP. HCM

ĐT: (84 8) 3872 8438 - FAX: (84 8) 3772 0369

ĐTDD: 0983 911 521

Email: vttrucminh.2019@gmail.com

www.trucminh.com